

## DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Đường lối CM của Đảng CSVN (200104) - 28

CBGD: 0

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV           | Mã lớp   | Chữ ký        | Số tờ | D1 % | D2 % | Điểm thi | Điểm T. kết | Điểm phần nguyên             | Tổ điểm lẻ            |
|-----|----------|------------------------|----------|---------------|-------|------|------|----------|-------------|------------------------------|-----------------------|
| 1   | 17125494 | Trần Bá Dĩ             | DH17NTNT | <i>Paul</i>   | 1     | 5.0  |      | 1.0      | 2.2         | 0 0 1 1 3 3 4 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 3 4 5 6 7 8 9 |
| 2   | 17116201 | Phạm Đình Duy          | DH17NTNT | <i>Go</i>     | 1     | 7.0  |      | 1.0      | 2.8         | 0 0 1 1 3 3 4 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 3 4 5 6 7 8 9 |
| 3   | 17116211 | Thái Bình Dương        | DH17NTNT | <i>Devo</i>   | 1     | 8.0  |      | 7.0      | 7.8         | 0 0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10   | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9   |
| 4   | 17116210 | Lưu Văn Đức            | DH17NTNT | <i>Đức</i>    | 1     | 7.5  |      | 3.0      | 4.4         | 0 0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10   | 0 1 2 3 3 4 5 6 7 8 9 |
| 5   | 16116003 | Nguyễn Thị Ngọc Hạnh   | DH16NTNT | <i>Hạnh</i>   | 1     | 7.0  |      | 7.0      | 7.0         | 0 0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10   | 0 1 2 3 3 4 5 6 7 8 9 |
| 6   | 17125495 | Nguyễn Văn Khải        | DH17NTNT | <i>Khải</i>   | 1     | 7.5  |      | 4.5      | 5.4         | 0 0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10   | 0 1 2 3 3 4 5 6 7 8 9 |
| 7   | 17116202 | Hồ Thị Mỹ Linh         | DH17NTNT | <i>My</i>     | 1     | 8.0  |      | 7.5      | 7.7         | 0 0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10   | 0 1 2 3 3 4 5 6 7 8 9 |
| 8   | 17116203 | Lý Phi Long            | DH17NTNT |               |       |      |      |          |             | 0 0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10   | 0 1 2 3 3 4 5 6 7 8 9 |
| 9   | 17116204 | Nguyễn Thị Bích Ngàn   | DH17NTNT |               |       |      |      |          |             | 0 0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10   | 0 1 2 3 3 4 5 6 7 8 9 |
| 10  | 17116205 | Nguyễn Lê Tuấn Phong   | DH17NTNT | <i>Phong</i>  | 1     | 7.0  |      | 3.0      | 4.2         | 0 0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10   | 0 1 2 3 3 4 5 6 7 8 9 |
| 11  | 17125466 | Nguyễn Thị Thúy Qui    | DH17NTNT |               |       |      |      |          |             | 0 0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10   | 0 1 2 3 3 4 5 6 7 8 9 |
| 12  | 17116207 | Nguyễn Đào Phương Thảo | DH17NTNT |               |       |      |      |          |             | 0 0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10   | 0 1 2 3 3 4 5 6 7 8 9 |
| 13  | 17116208 | Quảng Đại Thống        | DH17NTNT |               |       |      |      |          |             | 0 0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10   | 0 1 2 3 3 4 5 6 7 8 9 |
| 14  | 17125496 | Thái Nhất Thống        | DH17NTNT | <i>Thống</i>  | 1     | 6.0  |      | 5.5      | 5.7         | 0 0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10   | 0 1 2 3 3 4 5 6 7 8 9 |
| 15  | 17125470 | Nguyễn Anh Thư         | DH17NTNT | <i>Thư</i>    | 1     | 7.0  |      | 7.5      | 7.4         | 0 0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10   | 0 1 2 3 3 4 5 6 7 8 9 |
| 16  | 16116011 | Huỳnh Nhị Thương       | DH17NTNT | <i>Thương</i> | 1     | 8.5  |      | 5.5      | 6.4         | 0 0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10   | 0 1 2 3 3 4 5 6 7 8 9 |
| 17  | 17116209 | Lê Dương Thủy Tiên     | DH17NTNT | <i>Thủy</i>   | 1     | 7.5  |      | 6.0      | 6.5         | 0 0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10   | 0 1 2 3 3 4 5 6 7 8 9 |
| 18  | 17116212 | Võ Ngọc Trân           | DH17NTNT | <i>Trân</i>   | 1     | 7.5  |      | 7.5      | 7.5         | 0 0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10   | 0 1 2 3 3 4 5 6 7 8 9 |



Mã nhận dạng 03697

Trang 2/2

## DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Đường lối CM của Đảng CSVN (200104) - 28

CBGD: ()

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV  | Mã lớp | Chữ ký      | Số tờ | D1<br>% | D2<br>% | Điểm<br>thi | Điểm<br>T. kết | Điểm phần nguyên         | Tô điểm lẻ          |
|-----|----------|---------------|--------|-------------|-------|---------|---------|-------------|----------------|--------------------------|---------------------|
| 19  | 17125497 | Trần Thị Ngọc | Trình  | <u>Trần</u> |       | 7.0     |         | 2.0         | 3.5            | 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 20  | 17125498 | Phạm Thị Trúc | Uyên   |             |       |         |         |             |                | 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |

Số lượng vắng: 06

Hiện diện: 14

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/hộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trần Thị Ngọc

Trần Thị Trúc

Nguyễn Thị Văn Anh

Nguyễn Thị Khánh Thảo